TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮKLẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2017/HSST
Ngày 20 tháng 12 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮKLẮK.
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân:

1 - Bà Trần Thị Mai Thu – Trưởng phòng Y tế huyện Buôn Đôn.

2 - Bà Lưu Thị Hằng – Cán bộ tư pháp xã Ea Huar

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê K Đăm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/HSST, ngày 27 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo: **Phạm Văn Đ.**

Sinh năm: 1996, tại tỉnh Nam Định.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 4, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông.; trình độ học vấn: 7/12; con ông Phạm Văn B- Sinh năm 1964 và con bà Phạm Thị V – Sinh năm 1970;

Tiền án, tiền sự: Có 01 tiền án.

Tại Bản án số 14/2015/HSST ngày 07 tháng 5 năm 2015 của Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt Phạm Văn Đ 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 điều 138 Bộ luật hình sự. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/9/2017, hiện đang bị giam cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Trương Văn Q – Sinh năm 1959.
Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Ngô Phúc V – Sinh năm 1992
Địa chỉ: 95 X, Tp B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)..

2/ Anh Trần Nhựt H – Sinh năm 1988.
Địa chỉ: 133/2A Nơ Trang G, Tp B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3/ Anh Đỗ Việt T – Sinh năm 1991.
Địa chỉ: Thôn 1, xã E, Tp B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4/ Anh Võ Huỳnh Đ2 – Sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn 1, xã E, Tp B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 17/6/2017, Phạm Văn Đ đi bộ lang thang tại thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk gần khu vực Bệnh viện đa khoa huyện B. Đ quan sát thấy có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 47N7 – 2616 của người dân đi làm rẫy đang dựng ở cạnh gốc điều, thấy không có người trông giữ, Đ nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe Mô tô nêu trên nên đã tiếp cận dùng một chiếc chìa khóa của xe mô tô khác mà Đ mang theo cắm vào ổ khóa điện của xe Mô tô, khoảng 05 phút sau thì mở được ổ khóa xe và điều khiển xe đi theo đường ven sông SêrêPốk, đến thôn 9, xã E huyện B. Đ dừng xe mở cốp kiểm tra và phát hiện bên trong có giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trương Văn Q, sau đó tiếp tục điều khiển xe đi theo hướng tỉnh lộ 1 đến Buôn Ma Thuột để tìm nơi tiêu thụ. Đến Buôn Ma Thuột, Đ gọi điện thoại cho bạn là Ngô Phúc V – Sinh năm 1992 trú tại 95 X, Tp B, tỉnh Đắk Lắk để nhờ V giới thiệu địa điểm cầm cố chiếc xe trên. Đ nói với V chiếc xe này là tài sản của bố mua cho Đ sử dụng. Sau khi hỏi và biết rõ chiếc xe có đủ giấy tờ đăng ký, V gọi điện thoại để giới thiệu cho Trần Nhựt H – Sinh năm 1988. Trú tại: 133/2A Nơ Trang G, Tp B, tỉnh Đắk Lắk. H và Đ gặp nhau tại đường H, Tp B. Tại đây Đ nói với H rằng chiếc xe trên là của gia đình và đưa đăng ký xe cho H xem và H đồng ý cầm chiếc xe trên và đưa cho Đ số tiền 2.000.000 đồng và Đ hẹn 10 ngày sau sẽ chuộc lại, toàn bộ số tiền Đ đã dùng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Sau khi cầm cố chiếc xe trên không thấy Đ đến chuộc lại theo thỏa thuận. Ngày 10/8/2017 Trần Nhựt H muốn bán chiếc xe này đã nhờ bạn là Võ Huỳnh Đ2 - Sinh năm 1995.Trú tại: Thôn 1, xã E, Tp B, tỉnh Đắk Lắk, giới thiệu cho Đỗ Việt T – Sinh năm 1991; Trú tại: Thôn 1, xã E, Tp B, tỉnh Đắk Lắk mua lại chiếc xe mô tô trên của Trần Nhựt H với giá 5.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng T muốn làm thủ tục sang tên trước bạ nên liên hệ với ông Trương Văn Q là chủ sở hữu tài sản thì bị phát hiện, ông Q báo cơ quan chức năng xử lý.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 18/9/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B xác định: Hiện trường nơi xảy ra vụ án là sát gốc cây điều cách mép đường nhựa đi từ bệnh viện đến Tòa án huyện B là 07m, cách đường tỉnh lộ 1 là 85m.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 14/KL - ĐGTS ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 47N7 - 2616 do Phạm Văn Đ trộm cắp trị giá 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tạm giữ một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen bạc, biển kiểm soát 47N7- 2616 số khung C6408Y029532; số máy 5C64029532 và một chìa khóa thân bằng kim loại, chuôi chìa bằng nhựa cứng màu đen, tổng chiều dài 05 cm.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47N7- 2616 số khung C6408Y029532; số máy 5C64029532 là tài sản hợp pháp của ông Trương Văn Q nên ngày 17 tháng 9 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 38 trả lại chiếc xe mô tô cho ông Q là phù hợp.

Về mặt dân sự: Anh Đỗ Việt T không biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47N7-2616 là tài sản trộm cắp mà có nên đã mua lại của ông Trần Nhựt H với giá 5.000.000 đồng. Khi biết rõ là tài sản do Phạm Văn Đ trộm cắp, thì ông Trần Nhựt H, ông Phạm Văn B (là bố đẻ của Đ) đã thỏa thuận trao trả cho anh T số tiền 5.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 36/KSĐT – HS ngày 23 tháng 11 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn đã truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội " Trộm cắp tài sản " theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Phạm Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu và chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà.

Tại phiên tòa ông Trương Văn Q trình bày: Ngày 17/6/2017 ông đi làm rẫy dựng xe mô tô biển kiểm soát 47N7- 2616 ở cạnh gốc điều gần đường đi, do sơ suất không canh giữ, khoảng hơn một tiếng đồng hồ sau quay lại thì chiếc xe đã bị mất, ông đã báo chính quyền địa phương. Đến nay tài sản bị mất đã được trả lại. Tại phiên tòa ông Trương Văn Q không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản nào khác nữa, về hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn Đ về tội trộm cắp tài sản, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm b, g, p khoản 1Điều 46; Điểm g khoản 1, 2 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 41 bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 38 ngày 20 tháng 9 năm 2017, của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47N7- 2616 cho ông Trương Văn Q là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe máy có thân bằng kim loại, chuôi chìa khóa bằng nhựa cứng màu đen tổng chiều dài 05 cm.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa ông Phạm Văn B (là bố đẻ của Đ), anh Đỗ Việt T và anh Trần Nhựt H đã hoàn trả cho anh T số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Ông Trương Văn Q và anh Trần Nhựt H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo, bị hại không tranh luận gì thêm đối với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo biết rằng mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật trừng trị. Song do tham lam tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại lười biếng lao động nên bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[2] Xét quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp lý, phù hợp với pháp luật. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý kết luận: Phạm Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Khoản1 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[3] Xét hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trái pháp luật đến tài sản của người bị hại, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của xã hội. Bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản của người khác thể hiện bị cáo chưa thực sự ăn năn hối cải. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều khai báo thành khẩn, tài sản có giá trị không lớn đã thu được trả cho người bị hại, bản thân bị cáo đã tác động gia đình thỏa thuận trả lại tài sản cho những người liên quan nên cần phải xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nhằm giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cần phải xem xét cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Trong vụ án này còn có Trần Nhựt H, Ngô Phúc V, Võ Huỳnh Đ2 và Đỗ Việt T, khi trao đổi giao dịch, cầm cố và mua bán xe mô tô biển kiểm soát 47N7- 2616 đều không biết rõ tài sản đã giao dịch do Phạm Văn Đ phạm tội mà có. Do vậy, không xem xét trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[4] Các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Trương Văn Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra để giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, để xử lý theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003; Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm b, g, p khoản 1, 2 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Đ 08 (tám) tháng tù, được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 21/9/2017.

2/Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

*Về xử lý vật chứng: Chấp nhận quyết định xử lý vật chứng số 38 ngày 20/9/2017của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả lại cho ông Trương Văn Q 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47N7- 2616 số khung C6408Y029532; số máy 5C64029532 là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe máy có thân bằng kim loại, chuôi chìa khóa bằng nhựa cứng màu đen tổng chiều dài 05 cm (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/11/2017)

*Về trách nhiệm dân sự: Ông Trương Văn Q đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra để giải quyết.

3/Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 ;Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Bị cáo Phạm Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh,VKSND tỉnh
- VKS huyện B;
- THADS huyện B;
- Công an huyện B;
- Bị cáo, bị hại; Người liên quan;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ.

Đã ký

Đinh Thị Tuyết